

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC BIỂU THỊ HÀM Ý HỘI THOẠI TRONG TRUYỆN THIẾU NHI CỦA NGUYỄN QUANG THIỀU

NGUYỄN THỊ THANH NGÂN*

TÓM TẮT: Hàm ý được nảy sinh khi người nói cố ý sử dụng các từ ngữ quy ước, hoặc cố tình vi phạm phương châm hội thoại, khiến người nghe phải suy luận để nhận được thông điệp ngoài lời. Bài viết này khai thác một số cách thức biểu thị hàm ý hội thoại trong truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều với hi vọng đóng góp ít nhiều vào việc cụ thể hoá lý thuyết hội thoại, đồng thời gợi ý cho học sinh phổ thông có thể vận dụng các kiến thức được học để nhận diện và tạo lập phát ngôn có hàm ý trong thực tế giao tiếp.

TỪ KHOẢ: hàm ý; hội thoại; cộng tác; nguyên lý; quan yếu; lý thuyết; giao tiếp.

NHẬN BÀI: 18/05/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 02/08/2024

1. Đặt vấn đề

Hội thoại là hoạt động không thể thiếu của con người trong xã hội. Thông thường, khi muốn duy trì sự cộng tác, người nói và người nghe cần tuân thủ một số nguyên tắc nhất định. Theo H.P.Grice, tuân thủ nguyên tắc này nghĩa là “*phần đóng góp của bạn vào cuộc hội thoại phải đúng như nó được đòi hỏi vào giai đoạn mà nó xuất hiện, phù hợp với phương hướng và mục đích mà bạn đã tham gia vào*” (Make your conversational contribution such as is required, at the stage at which it occurs, by the accepted purpose or direction of the talk exchange in which you are engaged) [Grice, 1975, tr.45]. Nguyên tắc cộng tác (cooperative principle) bao gồm 4 phương châm: lượng (quantity), chất (quality), quan hệ (relation) và cách thức (manner). Tiếp bước Grice, Sperber và Wilson (1986) cho rằng các phương châm này được bao hàm trong lý thuyết quan yếu (relevance theory) mà họ đề xuất, trong đó, mức độ quan hệ phụ thuộc vào hai yếu tố: sự tác động của ngữ cảnh (contextual effects) và nỗ lực xử lý thông tin (processing effort). Xét về bản chất, nguyên tắc cộng tác và lý thuyết quan yếu thực chất đều chỉ ra những điều kiện để một cuộc thoại bất kỳ có thể đạt tới thành công.

Trên thực tế, trong những trường hợp nhất định, người nói cố tình sử dụng các từ ngữ, cấu trúc chuyên biệt (hàm ý quy ước) hoặc vi phạm các phương châm hội thoại (theo nguyên tắc cộng tác của Grice) và lý thuyết quan yếu của Sperber và Wilson. Đó là khi hàm ý (implicature/ implicate) được nảy sinh. Hàm ý được định nghĩa theo nhiều khía cạnh khác nhau, song có thể hiểu đó “*là những gì người nghe phải tự suy ra qua phát ngôn, để hiểu đúng và đầy đủ ý nghĩa của phát ngôn đó*” [Nguyễn Thiện Giáp, 2000, tr.136]. Những nghiên cứu về hàm ý hội thoại từng thu hút mạnh mẽ sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học thế giới từ giữa thế kỉ XX, với các công trình của Grice (1975), Sperber và Wilson (1986), Lakoff (1987), Brown và Levinson (1987), G. Yule (1996)... Ở Việt Nam, đây cũng là một trong những nội dung trọng tâm được đề cập trong công trình của các tác giả Nguyễn Đức Dân (1998), Nguyễn Thiện Giáp (2000), Đỗ Hữu Châu (2001), Nguyễn Văn Hiệp (2008), Trương Viên (2014), Nguyễn Thị Tố Ninh (2016)... Một số vấn đề về lý thuyết hội thoại và hàm ý được giới thiệu trong chương trình dạy học ở phổ thông, nhằm giúp học sinh đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp đời thường. Điều đó khẳng định cần thiết và tính ứng dụng rộng rãi của vấn đề này.

Trong phạm vi có hạn, để khai thác sự phụ thuộc vào ngữ cảnh đối với hàm ý, đồng thời giúp học sinh phổ thông hiểu rõ hơn về mối liên hệ giữa ngữ cảnh với ngữ nghĩa của phát ngôn, bài viết xin phép không đề cập tới các hàm ý quy ước, chỉ xin được khai thác các phương thức thể hiện hàm ý hội thoại do vi phạm các phương châm hội thoại (theo quan điểm của Grice) trên ngữ liệu truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều. Thông qua việc phân tích những tình huống hội thoại cụ thể này, bài viết hi vọng khái quát được một số thói quen giao tiếp của người Việt sinh sống ở vùng đồng bằng

*TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: nttngan@ued.udn.vn

Bắc Bộ, đồng thời góp phần làm rõ hơn sáng tạo nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Quang Thiều ở mảng sáng tác này.

2. Nội dung

Xem xét các ngữ liệu thu thập được từ truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều, bài viết quy về các trường hợp hàm ý nảy sinh khi người nói cố ý vi phạm phương châm hội thoại như sau:

2.1. Trường hợp vi phạm phương châm về chất

Theo Grice, phương châm về chất (maxim of quality) được phát biểu như sau: “*Hãy làm cho phần đóng góp của anh là đúng; đừng nói điều mà anh tin là sai hay điều mà anh thiếu bằng chứng*” [Grice, 1975 tr.46]). Trong truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều, rất nhiều trường hợp người nói không tuân thủ các quy tắc này. Họ cố tình nói những điều mà bản thân chưa kiểm chứng tính trung thực, hoặc chính họ không có ý định nói sự thật. Khi đó, họ đã chọn một trong các cách thức sau:

2.1.1. Hứa suông

Nếu hứa hẹn là cam kết với người nghe rằng sẽ thực hiện một việc gì đó đến cùng, thì hứa suông là nói mà không làm, hoặc “nói một đằng làm một nẻo”. Đó là khi người nói dẫn dắt người nghe tin vào điều đẹp đẽ xa vời, khiến người nghe chờ đợi, hi vọng, trong khi thực chất, bản thân người nói không hề tin, hoặc không có ý định thực hiện trong tương lai. Trong “Con quỷ gỗ”, khi Trán Đô xuất hiện ở bữa tiệc, Long Trại chạm cốc với Trán Đô và nói:

(1) “*Chỉ sáng mai thôi, hiệp sĩ sẽ dâng hoàng trở về thị xã của mình với tất cả những tài sản của hiệp sĩ. Không một kẻ nào dám nhạo báng và xua đuổi hiệp sĩ nữa. Mà sáng mai thôi, cũng chẳng kẻ nào trong thị xã này còn sống cả...*” (Con quỷ gỗ, chương 17).

Khi nói những lời này, Long Trại chưa hề có căn cứ nào để khẳng định kế hoạch tấn công thị xã của loài chuột thành công. Hơn nữa, trong thâm tâm, hắn chỉ coi Trán Đô như một thứ công cụ để chống lại loài người, nên việc biệt đãi sau này là điều hắn sẽ không bao giờ thực hiện. Tuy nhiên, bằng những lời mật ngọt ấy, Đại vương Long Trại khiến Trán Đô và các thuộc hạ tin tưởng vào chiến thắng trong tầm tay, nghĩa là tin tưởng tuyệt đối vào khả năng điều hành của hắn. Việc hứa hẹn một viễn cảnh đẹp đẽ dành cho chàng hiệp sĩ thực chất chỉ là cách để tự phô trương thanh thế, sức mạnh và sự trọng nghĩa của kẻ đứng đầu vương quốc Bóng Tối.

Ở trường hợp khác, người nói mượn cách hứa hẹn để vẽ ra một tương lai như ý nguyện cho người nghe bằng cách đưa ra những điều kiện không tưởng. Chẳng hạn khi nghe Trán Đô năn nỉ được ở lại ngôi nhà âm cúng bằng bất kì giá nào, cậu bé Nghĩa nói:

(2) “*Tao chỉ ra một điều kiện. Đó là mày phải đấu võ với hiệp sĩ Mặt Đen. Nếu mày thắng hiệp sĩ Mặt Đen thì tao cho mày ở lại tham gia đội quân của tao*”. (Con quỷ gỗ, chương 6).

Trước đó, Nghĩa đã gạn hỏi và được biết Trán Đô không biết đánh võ, chưa từng đấu gươm, không bao giờ thích ầu đả... Nghĩa tin chắc Trán Đô không bao giờ có thể thắng nổi hiệp sĩ Mặt Đen vừa lực lưỡng vừa khét tiếng tàn bạo trên các đấu trường bấy lâu. Thế nhưng, Nghĩa vẫn hứa hẹn sẽ mở ra cho Trán Đô một lối thoát. Dưới vỏ bọc một lời hứa nhân đạo, điều mà Nghĩa thực sự muốn nhấn mạnh là: *Đấu võ với Mặt Đen chỉ có kết cục thảm hại, người không có sự lựa chọn nào cả, tốt nhất hãy trở về với thế giới bóng tối*.

Như vậy, khi hứa suông, người nói biết chắc điều mình nói sẽ không bao giờ là hiện thực. Điều này đem lại thiệt hại không nhỏ cho người nghe vì đã tin tưởng, đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến thể diện của chính người nói khi tự họ biến mình thành kẻ bất tín. Theo kết quả khảo sát, trong truyện dành cho thiếu nhi, Nguyễn Quang Thiều thường xây dựng cách nói này cho những nhân vật phản diện hoặc đa tính cách.

2.1.2. Nói mát

Nói mát (hay nói kháy, nói mỉa, nói ngược) là khi người nói phát ngôn ngược với những gì mình nghĩ, mình tin, kèm theo thái độ châm biếm, mỉa mai. Theo đó, họ thường chế giễu dự định, hành động, suy nghĩ của người nghe bằng cách nêu ra những giả thiết hoặc kết luận trái ngược với quy luật

khách quan. Căn cứ vào ngữ cảnh, người nghe phải hiểu theo ý ngược lại. Trong “Bí mật hồ cá thần” có những tình huống như vậy. Biết ông Bộc vẫn luôn nuôi quyết tâm bắt con cá thần, lão Bương cười rú lên:

(3) - *Này Bộc, có bắt được con cá thì cho đây xin một góc bộ lòng nhắm rượu nhé.* (Bí mật hồ cá thần, chương 10)

Từng nhiều lần chứng kiến tất cả trai tráng của xóm Trại thất bại trước con cá thần, giờ nhìn thể trạng ốm yếu của ông Bộc, Lão Bương không bao giờ tin ông Bộc sẽ bắt được nó. Bởi vậy, lão chọn cách “nói mát”, hiển ngôn có thể hiểu là lời khen, lời động viên, nhưng sâu xa lại là sự mỉa mai, chế giễu, rằng ông Bộc đang viễn vông, không tự lượng sức mình.

Trong một ngữ cảnh khác, khi Mon lên kế hoạch và rủ bạn bè cùng hợp sức bắt cá thần, một cậu bé không giấu giếm nghi ngờ của mình mà thốt lên:

(4) - *Nếu thằng Mon bắt được, tao gọi nó bằng bố.* (Bí mật hồ cá thần, chương 12)

Nói ra điều mà mình không tin, đó chính là sự vi phạm phương châm về chất. Đưa ra một kết quả trái khoáy (tao gọi nó bằng bố), thực chất người nói nhấn mạnh rằng điều đã nêu trong giả thiết (thằng Mon bắt được cá) là hoàn toàn sai. Theo đó, người nghe phải dựa vào ngữ cảnh liên quan để tìm ra hàm ý: *Tao không bao giờ gọi người khác là bố, cũng như thằng Mon không bao giờ bắt được cá thần. Đừng có hão huyền.*

Nói mát cũng là cách thức thể hiện hàm ý gây ảnh hưởng tiêu cực tới người nghe. Người nghe thường nhận ra nội dung đích thực của phát ngôn kèm theo tâm lí bức bối, khó chịu.

2.1.3. Nịnh

Nịnh (nịnh nọt, nịnh bợ) là cách khen ngợi người nghe (người nghe thường là nhân vật quan trọng) một cách quá mức, khiến họ cảm thấy vui vẻ, thích thú mà tạo điều kiện hoặc thực hiện việc gì đó có lợi cho người nói. Bản thân người nói không bao giờ tin vào những “lời có cánh” ấy, song, họ vẫn nói để đạt được mục đích của mình. Trong “Con quỷ gỗ”, không ít lần Trán Đô được tâng bốc, nịnh nọt một cách lộ liễu như thế. Ngay khi Trán Đô còn đang đau khổ, bơ vơ vì bị ruồng bỏ, Long Trại đã cho thuộc hạ tiếp đón linh đình, tung hô chàng là hiệp sĩ bằng những lời phỉnh nịnh:

(5) - *Xứ sở bóng tối có chàng hiệp sĩ*

Tên chàng là Trán Đô

Chàng có sức mạnh phi thường

Không ai có thể địch nổi chàng

Khi chàng khoác áo giáp và cầm gươm

Chàng đẹp và dũng mãnh làm sao... (Con quỷ gỗ, chương 5)

Người nói không bao giờ tin vào nội dung phát ngôn, bởi thực tế, ở thời điểm đó, Trán Đô còn đang tẩu thoát thế giới bóng tối, chưa từng thể hiện sức khỏe của mình, luôn tự ti và oán hận về ngoại hình xấu xí. Thế nhưng, chính những lời này đã khiến Trán Đô cảm thấy được xoa dịu, được tôn trọng. Mặc dù còn bán tín bán nghi, nhưng Trán Đô cũng đã có phần dao động, bởi chàng ta hiểu rằng những lời nói trên mang đầy hàm ý: *Chỉ chúng tôi mới thấy được vẻ đẹp, sự dũng mãnh và giá trị đích thực của chàng. Chỉ chúng tôi mới tôn trọng và yêu quý chàng. Vì vậy, chàng hãy từ bỏ thế giới ánh sáng để trở thành hiệp sĩ của vương quốc bóng tối.*

Trong một số tình huống khác, chính Đại vương Long Trại cũng tung hô Trán Đô quá mức thực tế. Dù là kẻ cầm quyền cao nhất, nhưng vì muốn biến Trán Đô trở thành công cụ đắc lực chống lại cái đẹp và loài người, nên hắn không từ bỏ thủ đoạn nào. Nghe tù binh miệt thị Trán Đô, hắn rít lên:

(6) *Nói láo! Đây là hiệp sĩ Trán Đô - người hùng của vương quốc bóng tối chúng tao.* (Con quỷ gỗ, chương 9)

Hơn ai hết, Long Trại thừa biết Trán Đô chưa lập công trạng gì, thậm chí vừa mới thất bại trong trận đấu sức với hiệp sĩ Mặt Đen. Tuy nhiên, trước mặt Trán Đô, hắn vẫn khen ngợi chàng là hiệp sĩ, là người hùng, bởi hắn muốn chàng thấy rõ sự ưu ái, trọng thị của hắn mà tình nguyện trở thành thuộc hạ thân tín của hắn. Do vậy, lời nói này hướng tới hai đối tượng người nghe và đạt được hai

mục đích: vừa khẳng định với các tù binh (*Thư Sinh và Tóc Xoăn*) rằng Trán Dô đã chính thức chống lại thế giới loài người, vừa nhấn mạnh với Trán Dô rằng hãy yên tâm cống hiến cho vương quốc này, bởi chỉ ở đây, chàng mới được khẳng định giá trị đích thực.

Việc khen ngợi thiếu căn cứ, thiếu niềm tin chính là biểu hiện của sự vi phạm phương châm về chất điển hình. Tuy nhiên, về lâu dài, cách thức thể hiện hàm ý này sẽ khiến người nghe không xác định được giá trị đích thực của bản thân, đồng thời biến người nói thành kẻ xu nịnh.

2.2. Trường hợp vi phạm phương châm về lượng

Theo H. P. Grice, đảm bảo phương châm về lượng (maxim of quantity) nghĩa là “*Hãy làm cho phần đóng góp của anh có lượng thông tin đúng như đòi hỏi của mục đích cuộc thoại, đừng làm cho lượng thông tin của anh lớn hơn yêu cầu*” [Grice, 1975, tr.45]. Trong quá trình hội thoại, nếu cố tình cung cấp thông tin thừa, hoặc thiếu, hoặc thông tin không mới... nhằm tạo ra những hiệu ứng nhất định ở đối tác thì người nói đã tạo ra các hàm ý khác nhau.

2.2.1. Nói thêm

Nói thêm là cách người nói cố ý bổ sung các thông tin ít hoặc không liên quan đến đề tài giao tiếp, nhằm gửi gắm một thông điệp ngoài lời. Trong truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều, vì đối tượng người đọc là thiếu nhi, nên việc tạo hàm ý bằng cách này khá giản đơn: hầu hết các trường hợp người nói cố ý đính kèm một vài nội dung sau khi đã đáp ứng yêu cầu của cuộc thoại. Các nội dung này tạo ra hiện tượng thừa thãi thông tin. Chẳng hạn, khi nghe Trán Dô hỏi “*Bao giờ thì bọn địch hạch được chế tạo xong?*”, Lòng Trui hào hứng đáp:

(7) “*Hai tháng nữa. Ngày đó, ngài sẽ được chứng kiến bóng tối của chết chóc trùm phủ thị xã này*”. (Con quỷ gỗ, chương 13)

Nếu câu hỏi chỉ quan tâm đến thời gian, thì câu trả lời chỉ cần “*hai tháng*” là đủ. Lời hứa hẹn “*ngài sẽ được chứng kiến bóng tối của chết chóc trùm phủ thị xã này*” cố ý được hắt ghim vào để khoe khoang về sức mạnh và tham vọng làm bá chủ thị xã của bản thân. Ở vị trí người nghe, khi bỗng dưng nhận được lượng thông tin nhiều hơn mong muốn, người nghe phải suy ý để đoán biết được ý đồ thật sự của người nói.

Tương tự, khi gặp Hoa Hồng, Trán Dô chỉ hỏi cộc lốc “*Thế còn mày là ai, hử?*” mà nhận được câu trả lời chi tiết quá mức cho phép:

(8) - *Tôi là hoa hồng. Tôi đại diện cho vẻ đẹp và tình yêu. Ông già Tỉu vô cùng yêu quý và nâng niu chúng tôi. Sáng nào ông chẳng dậy sớm để tắm mát cho chúng tôi. Mà sao người anh bạn hỏi thế?* (Con quỷ gỗ, chương 10)

Nói những lời này, Hoa Hồng đã ngầm buộc Trán Dô phải hiểu rằng: nàng được cả thế giới (trong đó có cả ông già Tỉu) nâng niu, chiều chuộng, vì nàng là “*đại diện cho vẻ đẹp và tình yêu*”. Trán Dô không biết đến nàng là một thiếu sót lớn. Việc Trán Dô thô lỗ với nàng là một sai lầm lớn, đi ngược với cách cư xử của cả nhân loại. Hơn nữa, câu hỏi chuyển hướng “*Mà sao người anh bạn hỏi thế?*” không chỉ là lời chê, mà còn ngầm khẳng định: anh bạn không xứng được trò chuyện cùng tôi.

2.2.2. Nói bớt

Ngược lại, trong một số trường hợp khác, người nói cố tình cung cấp ít thông tin hơn mức cần thiết. Họ điều chỉnh nội dung mệnh đề theo hướng lược bớt, hoặc chỉ đề cập đến một phần mệnh đề. Chẳng hạn, trong truyện ngắn “*Người cha*”, khi cha phát hiện về thương trên tay con gái, ông hoảng hốt hỏi: “*Làm sao thế? Ai đánh con? Đứa nào đánh con?*”, con gái liền nức nở:

(9) - *Cha không đánh con. Cha không đánh con. (Người cha)*

Đại từ nghi vấn “*ai*” dùng để hỏi về đối tượng nhưng không giới hạn số lượng. Trả lời cha, con gái không nêu đích danh mà tìm cách loại trừ đối tượng. Câu trả lời này vừa vi phạm phương châm về chất (nói dối), vừa vi phạm phương châm về lượng (nói bớt), tuy nhiên, sự vi phạm phương châm về chất không đi tới hàm ý rõ rệt, trong khi việc lược bớt phạm vi thông tin lại hàm ẩn ý nghĩa sâu xa. Nếu người cha tinh ý hơn, hẳn ông đã nhận thấy sự bất thường này và hiểu rằng chính mình - trong những cơn say - đã vô thức làm con mình đau đớn.

Dù nói thêm hay nói bớt, người nói cũng tạo ra những điểm nhấn nhất định trong phát ngôn, khiến người nghe phải suy ý dựa trên mối quan hệ giữa phát ngôn và ngữ cảnh. Hiện tượng thừa hoặc thiếu thông tin so với mục đích ban đầu không quá khó để nhận ra, bởi vậy, sự vi phạm phương châm về lượng sẽ khiến người nghe dễ nhận diện hơn so với sự vi phạm phương châm về chất.

2.3. Trường hợp vi phạm phương châm về quan hệ

Hiểu một cách đơn giản, đảm bảo phương châm về quan hệ (maxim of relation) là nói những điều có liên quan đến đề tài. Một cuộc thoại thông thường được coi là hiệu quả nếu người nói và người nghe “hỏi gì đáp nấy”, còn ngược lại, nếu người nói cố tình vi phạm phương châm này để tạo ra những phát ngôn kiểu “ông nói gà, bà nói vịt”, thì hàm ý có cơ hội nảy sinh. Có thể điểm lại một vài trường hợp thể hiện hàm ý phổ biến như sau:

2.3.1. Nói lảng (đánh trống lảng)

Nói lảng là từ chối phát triển đề tài chính của cuộc thoại. Một lời đáp ít liên quan, không ăn nhập với câu hỏi trước đó nhằm chuyển hướng quan tâm của người nghe sang một đề tài mới chính là biểu hiện cụ thể của sự vi phạm phương châm về quan hệ. Khi cố tình nói lạc đề tài, người nói thường gửi gắm hàm ý. Trong truyện “Người cha”, khi li hôn, cha mẹ đều gắng hỏi hai đứa con sẽ sống với cha hay với mẹ, các con đã chọn cách nói hàm ý. Xét cuộc thoại sau giữa những người tham gia hội thoại:

(10) (Bố) - *Nào, chúng mày thích ở với ai? Bố hay mẹ? Nói đi!*

(Chị) - *Em muốn ở với ai?*

(Em) - *Em muốn ở với chị.*

(Mẹ) - *Ở với ai? Nói đi!*

(Chị) - *Cho chúng con về quê. (Người cha)*

Ở cặp thoại giữa chị và em, người chị nhắc lại câu hỏi của bố, do vậy, đại từ nghi vấn “ai” phải được hiểu là “bố hay mẹ”. Người em lảng tránh câu trả lời của chị, không nhắc tới bố hoặc mẹ, mà gọi ra một đối tượng khác không nằm trong câu hỏi lựa chọn nêu trên. Cách nói này cho phép người nghe hiểu rằng: đối với em, chị là quan trọng nhất. Em tin tưởng sự lựa chọn của chị. Chị ở với ai, em sẽ ở với người đó.

Ở cặp thoại giữa mẹ và chị, một lần nữa cách nói lảng được áp dụng. Mẹ hỏi về đối tượng, nhưng chị lại đáp về địa điểm. Về câu chữ, các tham thoại này có vẻ không liên quan đến nhau. Nhưng đặt trong ngữ cảnh, thì tất cả những người tham gia đều có thể hiểu được hàm ý của lời đáp này. Bởi lẽ, bố vẫn cấm cui kiếm sống ở quê, trong khi mẹ đã có cuộc sống mới ở thành phố. Do vậy, chọn cách về quê, chị ngầm nói ra sự lựa chọn của mình là sẽ sống với bố.

Trong truyện “Bí mật hồ cá thần”, khi bà Miên ốm nặng, ông Bộc âm thầm lặn lội lên Hoà Bình tìm cách chữa bệnh cho bà. Ngày ông mang thuốc về, cuộc trò chuyện giữa hai ông bà có thể sẽ khiến người ngoài cuộc khó hiểu. Cuộc thoại như sau:

(11) (Ông Bộc) - *Bà Miên ơi, tôi mua được thuốc cho bà đây rồi.*

(Bà Miên) - *Ông vất vả vì tôi quá.*

(Ông Bộc) - *Bà nói thế để làm gì? (Bí mật hồ cá thần, chương 7)*

Xét lớp nghĩa hiển ngôn, ta thấy 3 phát ngôn này có vẻ không ăn nhập với nhau. Bà Miên không tiếp nối đề tài về thuốc, mà chuyển sang hướng khác, thể hiện sự áy náy rằng ông Bộc đã vì mình mà phải chịu vất vả. Đáp lời, ông Bộc cũng không nối tiếp chuyện vất vả, mà hỏi mục đích của bà Miên khi nói những lời này là gì... Tuy nhiên, khi xem xét ngữ cảnh, có thể nhận ra lý do vì sao cả người nói và người nghe đều cố tình vi phạm phương châm về quan hệ. Thực tế, trước đó, cảm thấy mình gần đất xa trời, bà Miên dặn dò con cháu và từ biệt những người thân thiết. Mọi người đều tìm mọi cách kéo dài thời gian để bà vui vẻ sống đối già, song bà đều từ chối vì cho rằng số mình đã tận. Vậy nên, lời nói của ông Bộc và bà Miên đều có thể hiểu ngầm theo một hướng khác. Theo đó, có thể diễn đạt hàm ý đoạn thoại trên như sau:

(11') - Bà Miên ơi, tôi mua được thuốc cho bà đây rồi. => Bà cố gắng uống thuốc, bà sẽ sống khoẻ với con cháu.

- Ông vất vả vì tôi quá => Cảm ơn ông đã vất vả vì tôi. Nhưng tôi biết tôi không sống được lâu đâu.

- Bà nói thế để làm gì? => Bà đừng nói thế.

Là người trong cuộc, cả ông Bộc và bà Miên đều nhận được hàm ý ẩn trong từng lời nói, nên mạch hội thoại vẫn tiếp tục phát triển. Có thể nói, trong hầu hết các tình huống, người ta nói lảng bởi muốn tránh gây tổn thương hoặc làm mất thể diện cho người nghe, hoặc đơn giản là để che giấu cảm xúc, tâm trạng, cách đánh giá thực lòng của chính mình.

2.3.2. Hỏi ngược

Hỏi ngược là cách người nói thay vì trả lời câu hỏi thì lại đưa ra một câu hỏi khác, với một đề tài khác, buộc đối phương phải trả lời - nghĩa là khiến đối phương từ thế chủ động chuyển thành thế bị động. Sự lật ngược tình thế ấy đã tạo ra những hàm ý khác nhau mà người nghe buộc phải dựa vào ngữ cảnh để suy luận và nhận diện. Trong “Bí mật hồ cá thần”, biết tin lão Bương mang bức tượng Phật về làm của riêng, bà Miên vội vã sang tận nhà lão khuyên ngăn. Cuộc thoại diễn ra như sau:

(12) (Bà Miên) - Ông cho người trả lại nhà chùa đi.

(Lão Bương) - Ấy thưa cụ, được khối củi chứ ít à? (Bí mật hồ cá thần, chương 3)

Bà Miên vốn sùng bái những gì thuộc về thế giới tâm linh, luôn khuyên mọi người sống hướng thiện, thành tâm coi trọng nghi lễ thờ cúng để cuộc sống được bình an. Với lòng thành kính đạo Phật, bà khuyên lão Bương trả lại tượng cho nhà chùa. Tuy nhiên, không những không nối tiếp đề tài mà bà đang nói, lão Bương còn hỏi ngược với một đề tài khác. Căn cứ vào ngữ cảnh, có thể lí giải sự “lệch pha” này, rằng lão Bương nhất quyết không trả lại nhà chùa, đã thế, lão còn cho rằng tượng Phật cũng chỉ là vật vô tri như củi, lão không tin bất kì một hiện tượng tâm linh nào. Như vậy, bằng phát ngôn này, lão hàm ý mỉa mai bà Miên mê tín.

Trong tình huống khác, lão Bương nghe tin con cá thần bị bắt bèn vội vàng chạy tới hô hào mọi người khiêng về xóm để xẻ thịt, nhận phần. Tuy nhiên, bọn trẻ không thoả hiệp với lão. Như một người thủ lĩnh của đám trẻ, Mon lên tiếng chống lại hành động vô lí đó của lão:

(13) (Mon) - Con cá này không phải là của ông.

(Lão Bương): Cửa mày chắc? (Bí mật hồ cá thần, chương 14)

Lời khẳng định của Mon bị lão Bương chặn ngang. Mặc dù trước đó đã khẳng định “con cá này là của xóm Trại”, nhưng vì không phải là người bắt được con cá, nên đứng trước Mon và lũ trẻ, lão là kẻ đuối lí. Câu hỏi “Cửa mày chắc?” thực chất là cách lí sự cùn, hàm ý rằng không phải của lão thì cũng không phải của Mon, nên lão có quyền làm những điều lão muốn.

Hỏi ngược là cách thường được áp dụng trong những tình huống cấp bách, khi người nói muốn ưu tiên đề tài của mình thay vì phải mất thời gian cho những vấn đề không trọng tâm. Ngoài ra, hỏi ngược cũng là cách chuyển đề tài khéo léo, khi người nghe muốn chiếm diễn đàn và trở thành người điều khiển cuộc thoại.

2.4. Trường hợp vi phạm phương châm về cách thức

Muốn đảm bảo phương châm về cách thức (maxim of manner), thì lời nói phải rõ ràng, cụ thể là “phải tránh tối nghĩa, tránh mơ hồ, phải ngắn gọn, và phải theo thứ tự” [Grice, 1975, tr. 46]. Khi người nói diễn đạt dài dòng, thiếu logic, khó hiểu, đảo lộn thứ tự..., thì họ đã vi phạm phương châm này. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, nếu sự vi phạm là cố ý, thì người nói đã tạo ra hàm ý hội thoại. Trong truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều, phương thức này không được áp dụng nhiều, ngữ liệu thu được chủ yếu là lời nói vòng vo mang hàm ý. Trong “Câu chuyện về ngọn núi bà già mù”, khi nghe bà nội kể rằng ngọn núi của làng mọc lên trong một đêm, cậu bé rất ngạc nhiên hỏi lại:

(14) (Cháu) - Bà nhìn thấy à?

(Bà) - Bà đi ra thì đã thấy ngọn núi ấy rồi.

(Cháu) - Thế ai nhìn thấy ngọn núi đó mọc lên?

(Bà) - *Cụ kị cháu nhìn thấy*. (Câu chuyện về ngọn núi bà già mù, chương 1)

Các câu hỏi của cháu nhằm xác minh ai là người chứng kiến hiện tượng ra đời kì lạ của ngọn núi, nhưng cách trả lời của bà đều không hướng vào trọng tâm. Ở cặp thoại thứ nhất, lời đáp của bà được hiểu là “bà không nhìn thấy”. Ở cặp thoại thứ hai, bà nói “cụ kị cháu nhìn thấy”, nghĩa là hiện tượng này đã xảy ra từ rất lâu rồi. Mặc dù cụ kị đều đã mất từ lâu, không có người làm chứng, nhưng với cách nói này, cháu có thể tin rằng chuyện bà nói là sự thật.

Trong “Con quỷ gỗ”, khi thấy Trán Đô cầm đầu lũ chuột đến tàn phá ngôi nhà búp bê, bắt Thu Sinh và Tóc Xoăn làm tù binh, một ông búp bê già thở dài kêu lên:

(15) *Người không phải là một con chuột, nhưng sao người lại tàn ác như thế?* (Con quỷ gỗ, chương 8)

Câu nói chứa đựng sự bất thường trong lập luận. Sự tồn tại của Trán Đô có vẻ không liên quan đến loài chuột, nếu xét trên lớp nghĩa hiển ngôn. Tuy nhiên, lên án Trán Đô chỉ là cái cớ để ông búp bê già tố cáo tội ác của lũ chuột. Theo ông, chuột là loài tàn ác nhất thế gian này, và bất kì ai gia nhập thế giới loài chuột cũng đều hung bạo như chúng. Chính lối nói vòng này là cách để tạo ra hàm ý.

Như vậy, có thể nói, các nhân vật trong truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều đã cố ý vi phạm các phương châm hội thoại khác nhau để tạo ra hàm ý, khiến người nghe phải căn cứ vào ngữ cảnh để nhận ra thông điệp ngầm ẩn. Những cách thức này đều khá thông dụng trong giao tiếp đời thường của người Việt, được gọi tên và được áp dụng trong những ngữ cảnh phù hợp, với những người tham gia hội thoại phù hợp. Việc sử dụng hàm ý hội thoại trong tác phẩm khiến độc giả thêm mén phục khi nhận ra sự tinh tế trong việc xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.

3. Kết luận

Bài viết dựa trên nội dung chương trình Ngữ văn phổ thông về các phương châm hội thoại và hàm ý, để phác thảo một số cách thức tạo hàm ý phổ biến trong thói quen giao tiếp của người Việt thông qua các tác phẩm dành cho thiếu nhi. Từ đó, bài viết hi vọng bổ sung những ví dụ cụ thể để học sinh biết cách vận dụng chúng để nhận diện hàm ý trong thực tế cuộc sống, từ đó biết cách tạo ra các phát ngôn có hàm ý phù hợp với ngữ cảnh.

Truyện thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều không thể hiện toàn bộ thói quen tạo lập phát ngôn chứa hàm ý của người Việt. Hướng tới đối tượng độc giả là trẻ em, nhà văn dùng lối kể chuyện giản dị, trong sáng, tái hiện những cuộc thoại của chính các em, hoặc là các cuộc trò chuyện của người lớn trong quan sát của các em. Bởi vậy, các cuộc thoại chứa hàm ý chỉ được điểm xuyết giữa những chi tiết hấp dẫn, và đa phần trong số đó đều có sự tham gia của người lớn. Chính điều giản dị ấy có tác dụng giáo dục hiệu quả. Đó cũng là lí do một số tác phẩm của Nguyễn Quang Thiều được đưa vào giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời được đồng đạo độc giả thuộc nhiều thế hệ đánh giá cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học- Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Thị Lan Chi (2015), “Một số cách thức biểu đạt hàm ý hội thoại trong “Truyện ngắn Lỗ Tấn”, Tạp chí *Khoa học* - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 7 (73) tr.32-43.
3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Trần Thị Thuỳ Linh (2020), “Hàm ý hội thoại trong phim “Mỹ nhân ngư” (2016)”, Tạp chí *Nghiên cứu nước ngoài*, tập 36, số 5 tr.65-74.
7. Nguyễn Quang Ngoạn, Cao Văn Hương (2017), “Hàm ý hội thoại trong phim kinh điển “Spotlight””, Tạp chí *Nghiên cứu nước ngoài*, tập 33, số 5 tr.77- 86.
8. Nguyễn Thị Tố Ninh (2016), *Hàm ý và phương thức biểu thị hàm ý trong tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9. Trương Viên (2014), "Từ nguyên lý công tác của Grice đến lý thuyết quan hệ của Sperber và Wilson", Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 6 (224), tr.7-11.

10. Nguyễn Hoàng Yến (2021), "Hàm ý hội thoại trong truyện cười Việt Nam hiện đại với phương châm quan hệ", Tạp chí *Khoa học - Đại học Tây Bắc*, số 25, tr.101-104.

Tiếng nước ngoài

11. Brown, P. and S. Levinson (1987), *Politeness*, Cambridge: Cambridge University Press.

12. Grice, H.P. (1975), *Logic and conversation*, Cambridge: Cambridge University Press.

13. Lakoff, R. (1987), *Politeness, Pragmatics and Performatives*. In Rogers, Wall and Merphy.

14. Sperber, D., and Deirdre Wilson (1986), *Relevance: communication and cognition*, Oxford: Basil Blackwell.

15. Yule G (1996), *Pragmatic*, Oxford University Press.

NGŨ LIỆU

1. Nguyễn Quang Thiều (1998), *Bí mật hồ cá thần*, Nxb Kim Đồng.

2. Nguyễn Quang Thiều (2000), *Con quỷ gỗ*, Nxb Kim Đồng.

3. Nguyễn Quang Thiều (2001), *Câu chuyện về ngọn núi Bà già mù*, Nxb Kim Đồng.

4. Nguyễn Quang Thiều (2003), *Người cha*, Báo Sài Gòn giải phóng ngày 23 tháng 01 năm 2023 (<https://www.sggp.org.vn/nguoi-cha-post675311.html>).

Some ways of expressing conversational implicatures in Nguyen Quang Thieu's stories for children

Abstract: Implications arise when the speaker intentionally uses conventional words, or intentionally violates the maxim of conversation, causing the listener to make inferences to receive the extraverbal message. This article explores some ways of expressing conversational implications in children's stories by Nguyen Quang Thieu with the hope of contributing to concretizing the theory of conversation, while helping students apply knowledge have learned to recognize and create implicature in communication.

Key words: implicature; conversation; cooperative; principle; relevance; theory; communication.